

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST

Ngày 15-12-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Thanh Bình

Ông Đặng Công Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc T - sinh năm 1990, tại An Giang.

Nơi cư trú: ấp B, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang; Nơi tạm trú: ấp V1, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Hòa hảo; con ông Nguyễn Văn H không rõ năm sinh (chết) và bà Lê Kim T, sinh năm 1962; Có vợ là Trần Nguyễn Phụng T3 - sinh năm 1999; Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 10 năm 2020.

2. Trần Nguyễn Phụng T3 - sinh năm 1999, tại Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp V1, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Kỷ T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; Có chồng là Nguyễn Quốc T - sinh năm 1990; Có 01 người con sinh năm 2017; Tiền sự:

không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Người làm chứng:

1. Anh Đặng Văn T – 1993; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Anh Nguyễn Thanh Tuấn N – 1987; địa chỉ: khóm B1, phường B2, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Bị cáo có mặt, người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 06/10/2020, qua công tác tuần tra Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Vĩnh Thạnh kết hợp với Công an xã Vĩnh Trinh đã phát hiện bắt quả tang Nguyễn Quốc T – sinh năm 1990, thường trú tại ấp B2, xã Đ, huyện P, tỉnh A đang thực hiện hành vi bán ma túy cho Đặng Văn T – sinh năm 1993, thường trú ấp T1, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang tại nhà của T (nhà thuê) thuộc ấp V1, xã T, huyện V. Lực lượng làm nhiệm vụ đã mời các đối tượng về cơ quan để điều tra làm rõ đồng thời niêm phong thu giữ tang vật.

Tại Kết luận giám định số: 399/KL-PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Chất bột (dạng cục) màu trắng trong 22 gói nilon gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 2,4469 gam.

Tại cơ quan điều tra T khai nhận: Đã bán ma túy cho T2 được 05 lần từ ngày 04 đến ngày 06/10/2020 mỗi lần với số tiền 320.000 đồng, riêng ngày 06/10/2020 chưa lấy ma túy bán cho T thì bị phát hiện. Ngoài ra T còn bán ma túy cho Nguyễn Thanh Tuấn N - sinh năm 1987, thường trú khóm B1, phường B2, thành phố X, tỉnh An Giang được 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng và bán cho nhiều người nghiện khác không rõ họ tên, địa chỉ khoảng hơn 10 ngày (trước ngày 06/10/2020) nhưng không liên tục, số tiền bán ma túy mỗi lần thấp nhất là 150.000 đồng và cao nhất là 320.000 đồng, tổng số tiền thu lợi từ việc bán ma túy là 980.000 đồng.

Phương thức mua bán ma túy là khi có người nghiện cần sẽ đến trực tiếp tại nhà của T, T nhận tiền và bán ma túy, nếu T không có ở nhà thì T kêu T3 lấy ma túy bán còn T không kêu thì T3 nói người nghiện chờ T về bán. Để có ma túy bán cho người

nghiện T đã mua của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) được 03 lần với tổng số tiền mua là 7.960.000 đồng.

Kết quả điều tra mở rộng đã chứng minh được: Trần Nguyễn Phụng T3 đã có hành vi giúp T nhận tiền và bán ma túy cho người nghiện được khoảng hơn 10 ngày, riêng ngày 06/10/2020 T3 bán cho Đặng Văn T được 02 lần với tổng số tiền là 370.000 đồng. Ngoài ra, T3 khẳng định còn bán cho khoảng 02 người nghiện khác nhưng rõ họ tên, địa chỉ và không nhớ số tiền bán.

Tại Bản cáo trạng số 45/CT-VKSVT-HS ngày 16/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Trần Nguyễn Phụng T3 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Nguyễn Phụng T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và đề nghị:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Nguyễn Phụng T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 08 (Tám) đến 09 (Chín) năm tù;

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Phụng T3 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù;

Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Gói mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong số 399/KL – PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền Việt Nam 3.110.000 (*Ba triệu một trăm mười nghìn đồng*);

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền Việt Nam 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*); Trả lại cho bị cáo Trần Nguyễn Phụng T3 số tiền Việt Nam 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T nộp số tiền thu lợi bất chính là 980.000 đồng (*Chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa, các bị cáo T, T3 thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã mô tả, bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo T3 không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Thanh Tuấn N vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt, Đặng Văn T vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ vào 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo khai đã bán ma túy cho T và N, quá trình điều tra xác định được bán cho T1 vào ngày 06/10/2020, bán cho N vào ngày 18 và 19/8/2020. Như vậy T bán cho 02 người nhưng không cùng 01 ngày, theo Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử thì việc truy tố bị cáo T theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là “*Đối với 02 người trở lên*” là chưa có căn cứ. Do đó, tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố bị cáo tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ

luật hình sự là có căn cứ xem xét nên chấp nhận.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận: T khai nhận đã bán ma túy cho T1 được 05 lần từ ngày 04 đến ngày 06/10/2020 mỗi lần với số tiền 320.000 đồng, riêng ngày 06/10/2020 chưa lấy ma túy bán cho T1 thì bị phát hiện. Ngoài ra T còn bán ma túy cho Nguyễn Thanh Tuấn N được 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng và bán cho nhiều người nghiện khác không rõ họ tên, địa chỉ khoảng hơn 10 ngày (trước ngày 06/10/2020) nhưng không liên tục, số tiền bán ma túy mỗi lần thấp nhất là 150.000 đồng và cao nhất là 320.000 đồng, tổng số tiền thu lợi từ việc bán ma túy là 980.000 đồng. Trần Nguyễn Phụng T3 đã giúp T nhận tiền và bán ma túy cho người nghiện được khoảng hơn 10 ngày, riêng ngày 06/10/2020 T3 bán cho Đặng Văn T1 được 02 lần với tổng số tiền là 370.000 đồng. Ngoài ra, T3 khẳng định còn bán cho khoảng 02 người nghiện khác nhưng rõ họ tên, địa chỉ và không nhớ số tiền bán. Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định về ma túy của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội danh được quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về khung hình phạt: Bị cáo T bán ma túy cho T1 được 05 lần, bán cho Tuấn N được 02 lần, bị cáo T3 đã giúp T bán cho T1 được 02 lần. Ngoài ra các bị cáo còn bán ma túy cho nhiều người khác không rõ họ tên, địa chỉ vì vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 251, khoản 2, điểm b Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm (...)

b) Phạm tội từ 02 lần trở lên;

c) ...;

Cáo trạng số 45/CT-VKSVT-HS ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[5] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác. Vì vậy Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển... trái phép chất ma túy nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Các bị cáo T và T3 đều nhận thức rõ hiểm họa của ma túy nhưng xuất phát từ tính chất siêu lợi nhuận có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy, từ đó các bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Về căn cứ quyết định hình phạt và tính chất đồng phạm trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm phân hóa hình phạt. Bị cáo T vì mục đích lợi nhuận nên đã có hành vi mua ma túy của người khác bán lại cho nhiều người, bán nhiều lần để hưởng lợi từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng/gói. Bị cáo T3 tham gia với vai trò giúp sức, T3 đã giúp T bán ma túy cho người nghiện nhiều lần nên tính chất và mức độ tham gia của T là cao hơn T3. Vì vậy mức án dành cho bị cáo T phải nghiêm khắc hơn so với bị cáo T3.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Trước và sau thời điểm phạm tội, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (Một) gói mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong số 399/KLGD-PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ là vật cấm lưu hành nên cần áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền Việt Nam 7.150.000 đồng (*Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó có 3.110.000 đồng tiền các bị cáo bán ma túy có được cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; số tiền Việt Nam 1.040.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo T3 không liên quan đến việc phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo T3; Số tiền Việt Nam 3.000.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội lẽ ra trả lại cho bị cáo nhưng tại phiên tòa bị đồng ý lấy 980.000 đồng để nộp số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bị cáo T cần tiếp tục tạm giữ số tiền 980.000 đồng để đảm bảo quá trình thi hành án, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại số tiền Việt Nam 2.020.000 đồng cho bị cáo T.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với Đặng Văn T1 đã mua ma túy nhiều lần để sử dụng nhưng hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đề nghị xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định 111/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thanh Tuấn N có hành vi mua ma túy của T sau đó vận chuyển mục đích để sử dụng đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện bắt giữ, khởi tố xử lý về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử theo bản án hình sự số: 36/2020/HS-ST ngày 10/12/2020 là đúng qui định.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho T và những người nghiện đã mua ma túy của T và T3, do chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra

không tiếp xúc làm việc được. Do đó, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo qui định pháp luật.

[12] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đề xuất mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc T và Trần Nguyễn Phụng T3 phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 08 (Tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo T được tính kể từ ngày 06/10/2020;

1.2. Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Phụng T3 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo T3 được tính kể từ ngày chấp hành án;

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) Gói mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong số 399/KL – PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ.

2.2. Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam 3.110.000 (*Ba triệu một trăm mười nghìn đồng*);

2.3. Tiếp tục tạm giữ số tiền Việt Nam 980.000 đồng (Chín trăm tám mươi nghìn đồng) tại cơ quan Chi cục thi hành án huyện Vĩnh Thạnh để đảm bảo thi hành án.

2.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền Việt Nam 2.020.000 đồng (*Hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*); Trả lại cho bị cáo Trần Nguyễn Phụng T3 số tiền Việt Nam 1.040.000 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

3. Đối với tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T nộp số tiền thu lợi bất chính là 980.000 đồng (*Chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

(*Số tiền Việt Nam đồng, vật chứng nêu trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số: 37/QĐ-VKS-VT ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ*).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Nguyễn Phụng T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Trần Nguyễn Phụng T3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an nhân dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường